

Số: /QĐ-CNTT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

### **Ban hành Tài liệu hướng dẫn đánh giá chuyển đổi số y tế ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

#### CỤC TRƯỞNG CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia tới năm 2025, định hướng tới năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt chương trình chuyển đổi số y tế đến năm 2025, định hướng tới năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 6126/QĐ-BYT ngày 10/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Công nghệ thông tin thuộc Bộ Y tế;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Y tế điện tử.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này tài liệu hướng dẫn đánh giá mức chuyển đổi số y tế ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ theo tài liệu hướng dẫn này tổ chức đánh giá, xếp loại chuyển đổi số y tế của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo định kỳ hằng năm, công bố trên trang, cổng thông tin của Sở Y tế đồng thời gửi kết quả về Cục Công nghệ thông tin - Bộ Y tế để tổng hợp và công bố trên trang thông tin của Cục Công nghệ thông tin – Bộ Y tế.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Các Ông, Bà: Chánh văn phòng Cục, Trưởng phòng Y tế điện tử Cục CNTT, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);
- Thủ trưởng Trần Văn Thuận (để báo cáo);
- Lưu: VT, CNTT.

**CỤC TRƯỞNG**

**Trần Quý Tường**

syt\_baivungtau\_vt\_Van thu Tran Van Thuan 28/07/2018 13:20:54

**BỘ Y TẾ**  
**CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ Y TẾ**  
**CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

(Căn cứ theo quyết định số /CNTT-YTDT ngày tháng năm 2021 của Cục Trưởng Cục Công nghệ thông tin)

**I. CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC TÍNH ĐIỂM**

STT	Chỉ số	Điểm tối đa	Cách tính điểm	Cách xác định chỉ số
<b>I</b>	<b>QUẢN TRỊ Y TẾ SỐ</b>	<b>200</b>		
<b>I.1</b>	<b>Chuyển đổi nhận thức</b>	<b>30</b>		
<b>I.1.1</b>	<i>Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chuyển đổi số, Chính quyền số</i>	<b>15</b>		
a.	Có Chuyên mục về Chuyển đổi số Y tế trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Sở Y tế	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã có và thời gian cập nhật bài mới &lt; 1 tuần: điểm tối đa;</li> <li>- Đã có và thời gian cập nhật bài mới &lt; 1 tháng: 70% * điểm tối đa;</li> <li>- Đã có và thời gian cập nhật bài mới &gt; = 1 tháng: 30%* điểm tối đa ;</li> <li>- Không có: 0 điểm</li> </ul>	
b.	Có các tài liệu tuyên truyền (quyển, tờ rơi, video clip) về Chuyển đổi số y tế trên địa bàn Tỉnh/ Thành phố (về chuyển đổi số trong khám chữa bệnh, chuyển đổi số trong y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe, chuyển đổi số trong quản trị y tế, dịch vụ công y tế ..)	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỗi tài liệu được tính = 0.5 điểm, cho đến điểm tối đa;</li> <li>- Không có: 0 điểm</li> </ul>	Chỉ tính các tài liệu được lãnh đạo Sở Y tế phê duyệt
c.	Tổ chức các hội thảo, hội nghị cho cán bộ lãnh đạo Sở Y tế , Các Cơ sở y tế trên địa bàn Tỉnh/ Thành phố về Chuyển đổi số y tế	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỗi hội thảo được tính 1 điểm;</li> <li>- Không có: 0 điểm</li> </ul>	Chỉ tính các hội thảo có lãnh đạo Sở Y tế , lãnh đạo Tỉnh, Thành phố tham gia

<b>I.1.2</b>	<b>Sự quan tâm của người đứng đầu đối với Chuyển đổi số, Chính quyền số</b>	<b>15</b>		
a.	Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số y tế của Sở Y tế	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trưởng ban là Giám đốc Sở Y tế trở lên: điểm tối đa</li> <li>- Trưởng ban là Phó Giám đốc Sở Y tế và tương đương: được 70% * điểm tối đa điểm;</li> <li>- Trưởng ban không phải là Giám đốc/ Phó Giám đốc Sở Y tế: 30% * điểm tối đa điểm</li> <li>- Chưa Có Ban chỉ đạo Chuyển đổi số y tế: 0 điểm</li> </ul>	
b.	Số cuộc họp, hội nghị huyện đề về chuyển đổi số y tế do Lãnh đạo Sở Y tế / Lãnh đạo Tỉnh chủ trì	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỗi cuộc họp, hội nghị do Giám đốc Sở Y tế / lãnh đạo Tỉnh chủ trì = 1 điểm, cho đến điểm tối đa;</li> <li>- Mỗi cuộc họp, hội nghị do Phó Giám đốc Sở Y tế và tương đương chủ trì = 0.5 điểm, cho đến 1/2 điểm tối đa;</li> <li>- Không có cuộc họp, hội nghị do lãnh đạo Sở Y tế / Lãnh đạo Tỉnh chủ trì : 0 điểm</li> </ul>	
c.	Phát động phong trào thi đua chuyển đổi số y tế trong toàn Tỉnh/TP. Lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến về chuyển đổi số y tế	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã phê duyệt chủ trương, triển khai: Điểm tối đa</li> <li>- Chưa phê duyệt, triển khai: 0 điểm</li> </ul>	Tổ chức phát động phong trào thi đua chuyển đổi số y tế trong toàn Tỉnh/TP. Hàng năm tổ chức lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến có đóng góp nhiều cho công cuộc chuyển đổi số và các điển hình chuyển đổi số thành công.
<b>I.2</b>	<b>Kiến tạo thể chế</b>	<b>40</b>		

1.2.1	Kế hoạch, chương trình hoặc đề án về chuyển đổi số y tế căn cứ Quyết định 749 của Chính Phủ, Quyết định 4888 và Quyết định 5316 của Bộ Y tế	10	- Đã ban hành: Điểm tối đa - Chưa ban hành: 0 điểm	
1.2.2	Kế hoạch, chương trình hoặc đề án hàng năm về phát triển y tế sơ trong Tỉnh/ Thành phố trong Tỉnh. Thành phố	15	- Đã ban hành được kế hoạch, chương trình, đề án: Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa - Chưa ban hành được kế hoạch, chương trình, đề án: 0 điểm	- Tổng số công việc trong kế hoạch, chương trình đã được phê duyệt gọi là a - Tổng số công việc đã thực hiện được trong năm gọi là b Tỷ lệ=b/a (%)
1.2.3	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho CNTT y tế	15	Trên 3%: điểm tối đa Từ 2% đến dưới 3%: 10 điểm Từ 1% đến dưới 2%: 5 điểm Dưới 1%: 0 điểm	Tỷ lệ Chi cho CNTT y tế = tổng NSNN chi cho CNTT y tế / tổng chi NSNN chi cho y tế trên địa bàn Tỉnh/Thành phố (Tính cả các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh/thành phố)
<b>I.3</b>	<b>Dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>50</b>		
1.3.1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) tại Sở Y tế	15		
a.	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3	15	Điểm Tỷ lệ DVCTT mức độ 3, 4 được tính như sau - Nếu Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 từ 80% trở lên thì đạt Điểm tối đa; - Nếu Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 dưới 80% thì tính theo công thức: $b/a * (\text{Điểm tối đa}/2) + c/a * \text{Điểm tối đa}$	- Tổng số dịch vụ công của Sở Y tế gọi là a - Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 mà Sở Y tế đang cung cấp gọi là b; - Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đang cung cấp gọi là c - Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là b/a (%); - Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là c/a (%);
b.	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4			
1.3.2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến	15		
a.	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3 có phát sinh HSTT	15	Điểm Tỷ lệ DVCTT mức độ 3, 4 có phát sinh HSTT được tính như sau: - Nếu Tỷ lệ Từ 70% trở lên: Điểm tối đa - Nếu Tỷ lệ dưới 70%: $(x/70%) * \text{Điểm tối đa}$	- Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 mà Sở Y tế đang cung cấp gọi là a; - Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 có phát sinh HSTT gọi là b; - Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 mà Sở Y tế đang cung cấp gọi là c;
b.	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 có phát sinh HSTT			

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có phát sinh HSTT gọi là d;</li> <li>- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh HSTT là Tỷ lệ <math>= (b+d)/(a+c)</math> (%)</li> </ul>
1.3.3	<b>Mức độ hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến</b>	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp từ 80% trở lên: Điểm tối đa;</li> <li>- Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp dưới 80%: điểm = (tỷ lệ/80%) * Điểm tối đa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số lượt đánh giá của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT gọi là a;</li> <li>- Tổng số lượt đánh giá từ hài lòng trở lên của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT gọi là b;</li> <li>- Tỷ lệ mức độ hài lòng là: b/a (%)</li> </ul>
1.3.4	<b>Ứng dụng công nghệ số trong triển khai dịch vụ công trực tuyến</b>	10		
a.	Triển khai dịch vụ công trực tuyến trên các thiết bị di động	5	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số các dịch vụ công trực tuyến gọi là a</li> <li>- Tổng số các dịch vụ công trực tuyến đã triển khai trên ứng dụng di động gọi là b</li> <li>- Tỷ lệ = b/a (%)</li> </ul>
b.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các Dịch vụ công trực tuyến	5	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số các dịch vụ công trực tuyến gọi là a</li> <li>- Tổng số các dịch vụ công trực tuyến có ứng dụng TTNT gọi là b</li> <li>- Tỷ lệ = b/a (%)</li> </ul>
<b>I.4</b>	<b>Ứng dụng</b>	<b>50</b>		
1.4.1	<b>Đã triển khai hệ thống thống kê y tế điện tử</b>	10	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số đơn vị cần triển khai thống kê y tế điện tử là a</li> <li>- Số đơn vị đã triển khai thống kê y tế điện tử là b</li> <li>- Tỷ lệ = b/a (%)</li> </ul>
1.4.2	<b>Đã triển khai hệ thống thông tin quản lý nhân lực y tế</b>	20	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số đơn vị cần triển khai quản lý nhân lực y tế là a</li> <li>- Số đơn vị đã triển khai quản lý nhân lực y tế là b</li> </ul>

				- Tỷ lệ = b/a (%)
1.4.3	<i>Đã triển khai cập nhật thông tin lên công công khai y tế</i>	10	Cập nhật đầy đủ: điểm tối đa Cập nhật nhưng chưa đầy đủ: 05 điểm Chưa cập nhật: 0 điểm	
1.4.4	<i>Đã triển khai mạng kết nối y tế Việt Nam</i>	10	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	- Tổng số CBCC ngành y tế trên địa bàn là a - Tổng số CBCC tham gia Mạng y tế Việt Nam là b - Tỷ lệ = b/a (%)
<b>I.5</b>	<b>Quản lý văn bản và điều hành</b>	<b>30</b>		
1.5.1	<i>Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử</i>	15	Điểm = (b/a) * Điểm tối đa * 1/2 + (c/a) * Điểm tối đa	- Tổng số văn bản đi được trao đổi của các cơ sở y tế tuyến Tỉnh, Huyện, Xã (trừ văn bản mật) (gọi là a). - Tổng số văn bản đi của các cơ sở y tế tuyến Tỉnh, Huyện, Xã được gửi dưới dạng văn bản điện tử song song với văn bản giấy (gọi là b). - Tổng số văn bản đi của các cơ sở y tế tuyến Tỉnh, Huyện, Xã được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử, không kèm văn bản giấy (gọi là c).
1.5.2	<i>Tỷ lệ CBCC có tài khoản thư điện tử chính thức</i>	15	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	- Tổng số CBCC ngành y tế của Tỉnh (gọi là a) - Tổng số lượng CBCC ngành y tế của Tỉnh của Tỉnh có tài khoản thư điện tử chính thức (gọi là b) - Tỷ lệ = b/a (%)
<b>II</b>	<b>CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG KBCB</b>	<b>250</b>		

II.1	Triển khai bệnh viện thông minh tại các bệnh viện tuyến Tỉnh, tuyến Huyện (Từ mức 6 trở lên theo quy định tại thông tư 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh)	130	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính cả các cơ sở KCB công lập và tư nhân. Bệnh án điện tử được đánh giá và công bố theo quy định tại thông tư 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Hồ sơ Bệnh án điện tử.</li> <li>- Tổng số bệnh viện trên địa bàn ( gọi là a)</li> <li>- Tổng số bệnh viện đã triển khai bệnh viện thông minh ( gọi là b)</li> <li>- Tỷ lệ = b/a (%)</li> </ul>
II.2	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hiệu quả trong các bệnh viện tuyến Tỉnh, tuyến Huyện	20	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số bệnh viện trên địa bàn gọi là a</li> <li>- Tổng số bệnh viện ứng dụng thành công ít nhất 01 ứng dụng trí tuệ nhân tạo gọi là b</li> <li>- Tỷ lệ = b/a (%)</li> </ul>
II.3.	Thanh toán viện phí không dùng tiền mặt là chủ yếu tại các cơ sở khám bệnh. Chữa bệnh trên địa bàn Tỉnh/ Thành phố	50	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số viện phí thanh toán không tiền mặt phải cao hơn tổng số viện phí thanh toán trực tiếp mới được coi là có thanh toán viện phí không dùng tiền mặt</li> <li>- Tổng số bệnh viện trên địa bàn ( gọi là a)</li> <li>- Tổng số bệnh viện đã triển khai thành công thanh toán viện phí không dùng tiền mặt ( gọi là b)</li> <li>- Tỷ lệ= b/a (%)</li> </ul>
II.4	Triển khai đăng ký khám chữa bệnh trực tuyến tại các cơ sở khám bệnh chữa bệnh	25	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số cơ sở KBCB trên địa bàn gọi là a</li> <li>- Tổng số cơ sở KBCB đã triển khai đăng ký KCB trực tuyến gọi là b</li> <li>- Tỷ lệ= b/a (%)</li> </ul>



II.5	Triển khai tư vấn khám chữa bệnh từ xa tại các cơ sở khám bệnh. Chữa bệnh	25	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số cơ sở KBCB trên địa bàn gọi là a</li> <li>- Tổng số cơ sở KBCB đã triển khai tư vấn KCB từ xa là b</li> <li>- Tỷ lệ= b/a (%)</li> </ul>
<b>III</b>	<b>CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG PHÒNG BỆNH VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE</b>	<b>250</b>		
III.1	Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn Tỉnh/Thành phố	100	<p>- Hệ thống HSSKDT đã thỏa mãn yêu cầu triển khai:          Nếu a &gt; 94%          Điểm = b * điểm tối đa          Nếu a từ 80% - 94 %          Điểm = a * b * điểm tối đa</p> <p>- Nếu hệ thống HSSKDT chưa thỏa mãn yêu cầu HSSKDT: 0 điểm          - Nếu hệ thống HSSKDT chưa triển khai: 0 điểm</p>	<p>Yêu cầu HSSKDT:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Có đủ báo cáo, dashboard cơ bản phục vụ theo nhu cầu quản lý sức khỏe người dân của Sở Y tế và các Cơ sở y tế trên địa bàn Tỉnh.</li> <li>2. ít nhất 80% người dân có và xem được HSSKDT của mình trên địa bàn Tỉnh</li> <li>3. Có khả năng kết nối HSSKDT với các cơ sở KBCB trên địa bàn Tỉnh để phục vụ cho việc khai thác thông tin sức khỏe người dân.</li> <li>4. Có khả năng kết nối liên thông với các hệ thống quốc gia khác khi có yêu cầu.</li> </ol> <p>- Tỷ lệ người dân có và xem được HSSKDT trên tổng số dân của Tỉnh gọi là a (%)          - Tỷ lệ các cơ sở KBCB kết nối và khai thác được thông tin hồ sơ sức khỏe điện tử trên tổng số các cơ sở y tế gọi là b (%)          - Trong trường hợp chưa kết nối được với bất kỳ cơ sở y tế nào: b = 0</p>
III.2	Các trạm y tế tuyến Xã triển khai thành công phần mềm quản lý trạm y tế Xã, phường, thị trấn quyết định 3532/BYT	50	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	Tổng số Trạm Y tế tuyến Xã trên địa bàn l(gọi là a)

				Số TYT tuyến Xã đã triển khai thành công (gọi là b) Tỷ lệ= b/a (%)
<b>III.3.</b>	Triển khai thành công tất cả các ứng dụng giám sát, quản lý dịch bệnh theo yêu cầu của Bộ Y tế (bao gồm các ứng dụng về tiêm chủng, bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, các ứng dụng, nền tảng về phòng chống COVID ...)	60	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	Tổng số ứng dụng cần triển khai ( gọi là a) Tổng số ứng dụng đã triển khai thành công (gọi là b) Tỷ lệ= b/a (%)
<b>III.4</b>	Triển khai thành công các ứng dụng cung cấp tri thức phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân	20	Đã triển khai và được đánh giá là sử dụng hiệu quả : Điểm tối đa Đã triển khai nhưng chưa được đánh giá là sử dụng hiệu quả: 40% * điểm tối đa Chưa triển khai : 0 điểm	Đã triển khai ít nhất tại ½ số Huyện trên địa bàn Tỉnh mới được đưa vào đánh giá là sử dụng hiệu quả hay không
<b>III.5</b>	Phát triển thành công các ứng dụng thông minh phục vụ theo dõi, trợ giúp, chăm sóc sức khỏe người dân ( sử dụng các công nghệ số IOMT, Tri tuệ nhân tạo .. )	20	Đã triển khai và được đánh giá là sử dụng hiệu quả: điểm tối đa Đã triển khai và chưa được đánh giá là sử dụng hiệu quả: 40% * điểm tối đa Chưa triển khai: 0 điểm	Đã triển khai ít nhất tại ½ số Huyện trên địa bàn Tỉnh mới được đưa vào đánh giá là sử dụng hiệu quả hay không
<b>IV</b>	<b>HẠ TẦNG VÀ AN TOÀN THÔNG TIN</b>	<b>150</b>		
<b>IV.1</b>	Đảm bảo đầy đủ hạ tầng máy chủ, đường truyền, lưu trữ cho các hệ thống thông tin triển khai tại Tỉnh	40	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	Tổng số HTTT y tế của Tỉnh, Huyện, Xã (gọi là a) Tổng số HTTT y tế đã được đảm bảo đầy đủ hạ tầng ( gọi là b) Tỷ lệ= b/a (%)
<b>IV.2</b>	Trang bị máy tính cho CBCC (gồm cả máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng)	10	Điểm = Tỷ lệ* Điểm tối đa	- Tổng số lượng CBCC y tế tuyến Tỉnh, Huyện, Xã (gọi là a) - Tổng số lượng máy tính tại Cơ sở y tế tuyến Tỉnh, Huyện, Xã (gọi là b) - Tỷ lệ=b/a (%) (trường hợp b>a thì lấy Tỷ lệ=1)
<b>IV.3</b>	Tỷ lệ các đơn vị y tế có mạng LAN	10	Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa	- Tổng số lượng cơ sở y tế tuyến Tỉnh, Huyện, Xã (gọi

				là a) - Tổng số lượng cơ sở y tế tuyến Tỉnh, Huyện, Xã có mạng LAN (gọi là b) - Tỷ lệ = b/a (%)
<b>IV.4</b>	<b>Tỷ lệ các đơn vị y tế kết nối Internet tốc độ cao</b>	<b>20</b>	Điểm = Tỷ lệ*Điểm tối đa	- Tổng số lượng cơ sở y tế tuyến Tỉnh, Huyện, Xã gọi là a - Tổng số lượng cơ sở y tế tuyến Tỉnh, Huyện, Xã có mạng Internet tốc độ cao gọi là b - Tỷ lệ=b/a (%)
<b>IV.5</b>	<b>Đảm bảo an toàn thông tin</b>	<b>40</b>		
<b>IV.5.1</b>	<b>Số hệ thống thông tin được xác định và bảo vệ theo cấp độ</b>	<b>20</b>	Điểm – Tỷ lệ* Điểm tối đa	- Tổng số HTTT y tế của Tỉnh, Huyện, Xã (gọi là a) - Tổng số HTTT y tế đã được xác định và bảo vệ theo cấp độ (gọi là b) - Tỷ lệ= b/a (%)
<b>IV.5.2</b>	<b>Triển khai các hệ thống thông tin y tế theo mô hình 04 lớp</b>	<b>10</b>	Điểm – Tỷ lệ* Điểm tối đa	- Tổng số HTTT y tế của Tỉnh, Huyện, Xã (gọi là a) - Tổng số HTTT y tế đã được bảo vệ theo mô hình 04 lớp (gọi là b) - Tỷ lệ = b/a (%)
<b>IV.5.3</b>	<b>Mức độ bảo vệ máy tính cá nhân bằng phần mềm chống lây nhiễm mã độc</b>	<b>10</b>	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	- Tổng số máy tính cá nhân của các cơ sở y tế (gọi là a) - Tổng số máy tính cá nhân đã được bảo vệ (gọi là b) - Tỷ lệ = b/a (%)
<b>IV.6</b>	<b>Chữ ký số</b>	<b>30</b>		
<b>IV.6.1</b>	<b>Tỷ lệ các cơ sở y tế được cấp chứng thư số</b>	<b>15</b>	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	- Tổng số cơ sở y tế gọi là a - Tổng số các cơ sở y tế được cấp chứng thư số gọi là b - Tỷ lệ= b/a (%)
<b>IV.6.2</b>	<b>Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo tại các Sở Y tế và các cơ sở y tế tuyến Tỉnh, tuyến Huyện có chữ ký số</b>	<b>15</b>	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	- Tổng số cán bộ lãnh đạo gọi là a

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số cán bộ lãnh đạo có chữ ký số gọi là b</li> <li>- Tỷ lệ= b/a</li> </ul>
<b>V</b>	<b>TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH</b>	<b>70</b>		
<b>VI1</b>	Hình thành kho dữ liệu y tế tích hợp của tỉnh	<b>40</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã triển khai kho dữ liệu y tế đúng theo yêu cầu của Tỉnh/ Thành Phố: Điểm = Điểm tối đa * b/a</li> <li>- Đã triển khai kho dữ liệu y tế nhưng chưa đáp ứng yêu cầu chức năng của Tỉnh/ Thành phố: 0 điểm</li> <li>- Chưa triển khai: 0 điểm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kho dữ liệu y tế tích hợp của tỉnh cho phép tích hợp dữ liệu y tế từ các cơ sở y tế trên địa bàn Tỉnh/Thành phố theo các chỉ số y tế của Tỉnh/Thành phố và có sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu để phân tích, khác dữ liệu.</li> <li>- Tổng số nguồn dữ liệu cần tích hợp là a</li> <li>- Tổng số nguồn dữ liệu đã tích hợp vào kho dữ liệu là b</li> <li>- Tỷ lệ tích hợp dữ liệu là b/a (%)</li> </ul>
<b>V.2</b>	Trung tâm điều hành y tế thông minh	<b>30</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đã có trung tâm điều hành và được đánh giá là vận hành hiệu quả: Điểm tối đa</li> <li>Đã có trung tâm điều hành nhưng được đánh giá là chưa vận hành hiệu quả = 40%* điểm tối đa</li> <li>Chưa triển khai: 0 điểm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trung tâm điều hành hiệu quả phải quản lý, hiện thị đầy đủ dữ liệu và sử dụng hiệu quả trong các hoạt động theo dõi, giám sát, báo cáo của Sở Y tế.</li> </ul>
<b>VI</b>	<b>PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO CHUYÊN ĐỐI SỐ</b>	<b>80</b>		
<b>VI.1</b>	Tỷ lệ các đơn vị tuyển tính, tuyển Huyện có lãnh đạo phụ trách CNTT	10	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số cơ sở y tế gọi là a</li> <li>- Tổng số các cơ sở y tế có lãnh đạo phụ trách CNTT gọi là b</li> <li>- Tỷ lệ= b/a (%)</li> </ul>
<b>VI.2</b>	Tỷ lệ các đơn vị tuyển Tỉnh, tuyển Huyện có bộ phận Chuyên trách CNTT	10	Điểm = Tỷ lệ* điểm tối đa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số cơ sở y tế gọi là a</li> <li>- Tổng số các cơ sở y tế có bộ phận chuyên trách CNTT gọi là b</li> <li>- Tỷ lệ= b/a (%)</li> </ul>

<b>VI.3</b>	Tỷ lệ lãnh đạo các đơn vị tuyến Tỉnh, tuyến Huyện, tuyến Xã được đào tạo chuyên đổi số	20	Điểm – Tỷ lệ* điểm tối đa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số lãnh đạo gọi là a</li> <li>- Tổng số lãnh đạo được đào tạo chuyên đổi số gọi là b</li> <li>- Tỷ lệ= b/a (%)</li> </ul>
<b>VI.4</b>	Tỷ lệ các cán bộ được giao làm CNTT và CDS được đào tạo chuyên đổi số	20	Điểm – Tỷ lệ* điểm tối đa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số cán bộ CNTT, cán bộ được giao làm CNTT và CDS gọi là a</li> <li>- Tổng số cán bộ CNTT, cán bộ được giao làm CNTT và CDS được đào tạo chuyên đổi số gọi là b</li> <li>- Tỷ lệ= b/a (%)</li> </ul>
<b>VI.5</b>	Tỷ lệ các cán bộ được giao làm CNTT, ATTT và CDS được đào tạo về an toàn thông tin y tế	20	Điểm – Tỷ lệ* điểm tối đa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số cán bộ CNTT, được giao làm CNTT, ATTT và CDS gọi là a</li> <li>- Tổng số cán bộ CNTT, được giao làm CNTT, ATTT và CDS được đào tạo ATTT gọi là b</li> <li>Tỷ lệ= b/a (%)</li> </ul>

**TỔNG ĐIỂM TỐI ĐA: 1000 ĐIỂM**

## II. XÉT MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ Y TẾ

1. **Từ 900 điểm đến 1000 điểm:** Xét mức độ Chuyển đổi số y tế xuất sắc
2. **Từ 800 điểm đến 899 điểm:** Xét mức độ Chuyển đổi số y tế tốt
3. **Từ 700 điểm đến 799 điểm:** Xét mức độ Chuyển đổi số y tế khá
4. **Từ 500 điểm đến 699 điểm:** Xét mức độ chuyển đổi số trung bình
5. **Dưới 500 điểm:** Chuyển đổi số chưa đạt yêu cầu
6. Hạ mức độ chuyển đổi số

Các trường hợp có tổng điểm đạt mức độ chuyển đổi số cao nhưng không đạt yêu cầu đối với một số ứng dụng ưu tiên thì không được xét ở mức độ cao nhất theo tổng điểm, cụ thể:

6.1. Trong trường hợp Mục II.1. Triển khai bệnh viện thông minh tại các bệnh Viện tuyến Tỉnh, tuyến Huyện: có số điểm nhỏ hơn 90 điểm thì tối đa chỉ đạt mức chuyển đổi số tốt; có số điểm nhỏ hơn 30 điểm thì tối đa chỉ đạt mức chuyển đổi số khá. Nếu chưa triển khai bất kỳ một bệnh viện nào thì tối đa chỉ đạt mức chuyển đổi số trung bình.

6.2. Trong trường hợp Mục III.1 Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn Tỉnh/Thành phố: có số điểm nhỏ hơn 60 điểm thì chỉ tối đa đạt mức chuyển đổi số tốt; có số điểm nhỏ hơn 30 điểm thì tối đa chỉ đạt mức chuyển đổi số khá.

6.3. Trong trường hợp mục III.3. Triển khai thành công tất cả các ứng dụng giám sát, quản lý dịch bệnh theo yêu cầu của Bộ Y tế: Có số điểm nhỏ hơn 50 điểm thì tối đa chỉ đạt mức chuyển đổi số tốt; có số điểm nhỏ hơn 30 điểm thì tối đa chỉ đạt mức chuyển đổi số khá.